

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2020/DS-ST

Ngày: 24/8/2020

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2020/TLST-DS ngày 18/02/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2020/QĐXXST-DS ngày 06/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2020/QĐST-DS ngày 30/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979

Địa chỉ: 01 Lô B5, Cư xá 304, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: 59/3A Đường số 8, khu phố 5, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị đơn ông Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) *Nội dung nguyên đơn khởi kiện:* Ngày 28/11/2017, ông Nguyễn Văn T có ký với ông Đỗ Văn T hợp đồng dịch vụ về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông Đỗ Văn T đồng ý thực hiện công việc tư vấn và thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử

dụng đất quy hoạch tôn giáo thành đất quy hoạch khu dân cư tại địa chỉ số 923 đường Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá dịch vụ để thực hiện công việc trên là 500.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng ông Nguyễn Văn T đã thanh toán trước số tiền 220.000.000 đồng, thanh toán bằng tiền mặt, giao tận tay và ký tên xác nhận vào hợp đồng, ông T hẹn sau 03 tháng sẽ thực hiện xong công việc trên và nhận đủ số tiền như thỏa thuận. Tuy nhiên, sau 03 tháng ông T vẫn không thực hiện xong công việc đã thỏa thuận, mà hẹn sau 06 tháng tiếp theo, cho đến nay đã 02 năm nhưng ông T vẫn không thực hiện công việc như đã thỏa thuận. Qua nhiều lần liên hệ để làm việc, nhưng ông Đỗ Văn T trốn tránh, khóa điện thoại, không thể nào liên lạc được. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng dịch vụ ngày 28/11/2017 ký kết giữa hai bên và buộc ông Đỗ Văn T trả lại số tiền đã nhận là 220.000.000 đồng.

(2) Đối với bị đơn ông Đỗ Văn T vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) *Tại phiên tòa sơ thẩm:* Bị đơn ông Đỗ Văn T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:* Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đã có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn ông Đỗ Văn T đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không có lý do chính đáng hoặc trở ngại khách quan, nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa ông Nguyễn Văn T với ông Đỗ Văn T phát sinh quan hệ tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Đỗ Văn T đang cư trú tại địa chỉ 59/3A Đường số 8, khu phố 5, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng

điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng dịch vụ số 01/24/11/2017TĐ giao kết ngày 28/11/2017 giữa ông Nguyễn Văn T và ông Đỗ Văn T trên cơ sở đảm bảo đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự, nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên theo quy định của Bộ luật dân sự.

[3.2] Căn cứ vào lời khai, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, phù hợp với nội dung thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ số 01/24/11/2017TĐ giao kết ngày 28/11/2017, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn ông Đỗ Văn T đã nhận của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền 220.000.000 đồng, nhưng cho đến nay không thực hiện công việc như đã thỏa thuận trong hợp đồng là tư vấn và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với phần đất tọa lạc tại địa chỉ số 923 đường Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 423 Bộ luật dân sự thì yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ ký kết ngày 28/11/2017 giữa hai bên là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Căn cứ quy định tại Điều 427 của Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Đỗ Văn T trả lại số tiền đã nhận 220.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Đỗ Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 423, 424 và Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Hủy bỏ hợp đồng dịch vụ (số: 01/24/11/2017TĐ) ký ngày 28/11/2017 giữa ông Nguyễn Văn T với ông Đỗ Văn T;

1.2. Buộc ông Đỗ Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền đã nhận là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đỗ Văn T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng Trang còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) buộc ông Đỗ Văn T phải nộp theo quy định.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí 5.500.000 đồng (năm triệu nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0056700 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên